

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ**  
**TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện ĐKTN Cao Văn Chí
2. Địa chỉ: 93 Tôn Đức Thắng, Long Thành Trung, Hòa Thành, Tây Ninh.
3. Thời gian hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 24/24 giờ, 7 ngày/tuần.
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

| STT                 | Họ và tên           | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                             | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc) | Vị trí chuyên môn                             |
|---------------------|---------------------|------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| <b>BAN GIÁM ĐỐC</b> |                     |                        |                                                          |                                                                                            |                                               |
| 1                   | Phan Châu Minh Tuấn | 0002006/TNI-CCHN       | Gây mê hồi sức                                           | Toàn thời gian                                                                             | Giám đốc                                      |
| 2                   | Đào Anh Dũng        | 000797/TNI-CCHN        | Khám chữa bệnh nội nhi                                   | Toàn thời gian                                                                             | Phó Giám đốc thường trực, Trưởng Khoa Cấp cứu |
| 3                   | Nguyễn Chí Hùng     | 0001141/TNI-CCHN       | Khám chữa bệnh ngoại khoa                                | Toàn thời gian                                                                             | Phó Giám đốc Khối Ngoại, Trưởng Khoa Ngoại    |
| 4                   | Nguyễn Ngọc Long    | 000806/TNI-CCHN        | Khám chữa bệnh nội tổng hợp                              | Toàn thời gian                                                                             | Phó giám đốc Khối Nội                         |
| <b>KHOA CẤP CỨU</b> |                     |                        |                                                          |                                                                                            |                                               |
| 5                   | Diệp Tuấn Anh       | 008686/HCM-CCHN        | Khám chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa | Toàn thời gian                                                                             | Bác sĩ                                        |
| 6                   | Phạm Thị Kim Thanh  | 0001832/TNI-CCHN       | Phòng khám nội tổng hợp                                  | Toàn thời gian                                                                             | Bác sĩ                                        |
| 7                   | Lê Chí Tự Lập       | 000799/TNI-CCHN        | Khám chữa bệnh ngoại khoa                                | Toàn thời gian                                                                             | Bác sĩ                                        |
| 8                   | Nguyễn Tiến Hương   | 000800/TNI-CCHN        | Khám chữa bệnh đa khoa                                   | Toàn thời gian                                                                             | Phó Khoa                                      |

|    |                       |                  |                                                                                                                                                                                                      |                |                   |
|----|-----------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------|
| 9  | Nguyễn Thị Thúy Hằng  | 0002631/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh chuyên khoa nhi                                                                                                                                                                       | Toàn thời gian | Bác sĩ            |
| 10 | Nguyễn Tiến Duy       | 003107/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa                                                                                                                                             | Toàn thời gian | Bác sĩ            |
| 11 | Hoàng Thị Hoa         | 0001888/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng trưởng |
| 12 | Huỳnh Thị An          | 0001877/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 13 | Đỗ Cao Trí            | 0001839/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Kỹ thuật viên     |
| 14 | Võ Văn Chung          | 0001915/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian | Kỹ thuật viên     |
| 15 | Nguyễn Thanh Sang     | 3403/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Kỹ thuật viên     |
| 16 | Võ Thanh Gấm          | 0001874/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 17 | Trương Thị Diệu       | 0001884/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 18 | Lê Thị Thu Trang      | 0001899/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 19 | Lương Thị Thanh Loan  | 0001838/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 20 | Nguyễn Trương Yến Như | 0001913/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 21 | Lê Thị Cẩm Tú         | 0001914/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 22 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 0001889/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 23 | Trần Thị Bích Tuyền   | 0001853/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 24 | Nguyễn Lê Như Thủy    | 0001897/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 25 | Võ Thị Thảo           | 0001912/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 26 | Đoàn Thị Tuyết Nhung  | 0001854/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 27 | Hà Thị Kim Lý         | 0001909/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 28 | Nguyễn Hồng Phương    | 0001910/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 29 | Lê Thị Kha            | 003089/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu                                                              | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |



|    |                      |                   |                                                                                                                                                                                                      |                |            |
|----|----------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|
|    |                      |                   | chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.                                                                                                                                         |                |            |
| 30 | Nguyễn Thị Ngọc Sáu  | 0001869/TNI-CCHN  | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng |
| 31 | Huỳnh Thị Bích Nhân  | 003082/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng |
| 32 | Trần Ngọc Loan       | 0002674/TNI-CCHN  | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian | Điều dưỡng |
| 33 | Trần Nguyễn My       | 003054/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng |
| 34 | Nguyễn Thị Vui       | 0029385/HC M-CCHN | Thực hiện theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005                                                                                                                                          | Toàn thời gian | Điều dưỡng |
| 35 | Phạm Thị Chinh Em    | 3721/TNI-CCHN     | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng |
| 36 | Nguyễn Thị Như Thuận | 3718/TNI-CCHN     | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng |
| 37 | Trần Đặng Tuấn An    | 003087/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng |

|                                |                       |                 |                                                                                                                                                                                                      |                |             |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
| 38                             | Lê Thị Diệu An        | 3753/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng  |
| 39                             | Dương Ngô Thảo Nguyên | 3350/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng  |
| 40                             | Hồ Thị Hồng Xuyên     | 3695/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng  |
| 41                             | Lê Thị Anh Hoa        | 3336/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng  |
| 42                             | Lưu Tấn Lộc           | 3415/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng  |
| <b>KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH</b> |                       |                 |                                                                                                                                                                                                      |                |             |
| 43                             | Lê Nguyên Kha         | 000792/TNI-CCHN | Chẩn đoán hình ảnh                                                                                                                                                                                   | Toàn thời gian | Trưởng Khoa |
| 44                             | Phan Văn Chí          | 003093/TNI-CCHN | Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh                                                                                                                                                                       | Toàn thời gian | Phó khoa    |
| 45                             | Lê Thị Thanh Phương   | 003009/TNI-CCHN | _ Khám chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa                                                                                                                                           | Toàn thời gian | Bác sĩ      |



|                       |                        |                  |                                                                                                                                                                                                         |                                           |                   |
|-----------------------|------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------|
| 46                    | Dương Ngọc Thơ         | 0002706/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh                                                                                                                                                           | CN (7h -17h)                              | Bác sĩ            |
| 47                    | Trịnh Phi Lập          | 002188/HC M-CCHN | Khám chữa bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh                                                                                                                                                           | Các ngày nghỉ trong tuần (Khi có ca bệnh) | Bác sĩ            |
| 48                    | Phạm Công Danh         | 0001895/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                         | Toàn thời gian                            | Kỹ thuật viên     |
| 49                    | Trần Ngô Mỹ Xuân       | 0001892/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                    | Toàn thời gian                            | Điều dưỡng        |
| 50                    | Nguyễn Thị Ngọc Huyền  | 0001891/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                    | Toàn thời gian                            | Điều dưỡng        |
| 51                    | Nguyễn Ngọc Lâm        | 0001826/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                         | Toàn thời gian                            | Kỹ thuật viên     |
| 52                    | Hồ Thị Bích Phượng     | 0001827/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                         | Toàn thời gian                            | Điều dưỡng        |
| 53                    | Phan Thanh Phong       | 003392/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.   | Toàn thời gian                            | Điều dưỡng        |
| <b>KHOA KHÁM BỆNH</b> |                        |                  |                                                                                                                                                                                                         |                                           |                   |
| 54                    | Nguyễn Thị Lệ Hồng     | 0001260/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh nội khoa                                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian                            | Phó Khoa          |
| 55                    | Nguyễn Thanh Phước     | 0001365/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh nhi khoa                                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian                            | Bác sĩ            |
| 56                    | Lê Thị Lệ              | 009316/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa                                                                                                                                                | Toàn thời gian                            | Bác sĩ            |
| 57                    | Nguyễn Thị Kiều        | 0002685/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh nội khoa                                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian                            | Bác sĩ            |
| 58                    | Nguyễn Kim Thoa        | 000822/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                                                                  | Toàn thời gian                            | Bác sĩ            |
| 59                    | Nguyễn Thị Cúc         | 008219/HCM-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | Toàn thời gian                            | Điều dưỡng trưởng |
| 60                    | Huỳnh Thị Hoàng Nhung  | 3728/TNI-CCHN    | Khám chữa bệnh thông thường về răng trẻ em                                                                                                                                                              | Toàn thời gian                            | Kỹ thuật viên     |
| 61                    | Nguyễn Thị Thảo Nguyên | 0002095/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                   | Toàn thời gian                            | Điều dưỡng        |

|    |                       |                 |                                                                                                                                                                                                      |                |            |
|----|-----------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|
| 62 | Vũ Thị Mộng Tuyền     | 3411/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng |
| 63 | Nguyễn Thị Ngọc Diễm  | 003052/TNI-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng |
| 64 | Đinh Thị Mai          | 3687/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng |
| 65 | Lâm Thị Phương Thảo   | 3387/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng |
| 66 | Võ Thị Cẩm Tiên       | 3404/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng |
| 67 | Giang Thị Phương Thảo | 3388/TNI-CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng |



|    |                      |                  |                                                                                                                                                                                                      |                |               |
|----|----------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|
| 68 | Lê Kim Thanh         | 3720/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 69 | Phạm Huỳnh Hoàng Vân | 3263/TNI-CCHN    | Kỹ thuật viên phục hình răng                                                                                                                                                                         | Toàn thời gian | Kỹ thuật viên |
| 70 | Đặng Thị Ngọc        | 3385/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 71 | Nguyễn Thùy Trang    | 3406/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 72 | Võ Kim Thoa          | 003226/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 73 | Nguyễn Trường Chinh  | 0001171/         | Khám chữa bệnh nội khoa                                                                                                                                                                              | T7-CN (7h-17h) | Bác sĩ        |
| 74 | Trần Thị Kim Liên    | 000808/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh chuyên khoa hệ nội                                                                                                                                                                    | CN (7h-17h)    | Bác sĩ        |
| 75 | Đào Trí Đăng         | 0001206/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh chuyên khoa TMH                                                                                                                                                                       | CN (7h-11h30)  | Bác sĩ        |
| 76 | Lâm Minh Nguyệt      | 0002187/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh nội khoa                                                                                                                                                                              | CN (7h-17h)    | Bác sĩ        |
| 77 | Võ Thị Ánh Hà        | 0001679/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh nội khoa                                                                                                                                                                              | CN (7h-17h)    | Bác sĩ        |
| 78 | Lê Thành Thái        | 0001539/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh nội tổng hợp                                                                                                                                                                          | T7-CN (7h-17h) | Bác sĩ        |

| KHOA NGOẠI |                      |                  |                                                                                                                                                                                                      |                |                   |
|------------|----------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------|
| 79         | Huỳnh Minh Phương    | 000804/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                                                               | Toàn thời gian | Phó Khoa Ngoại    |
| 80         | Đặng Đức Luyện       | 000791/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh ngoại khoa                                                                                                                                                                            | Toàn thời gian | Phó Khoa Ngoại    |
| 81         | Võ Lê Văn            | 0002822/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh chuyên khoa mắt                                                                                                                                                                       | Toàn thời gian | Bác sĩ            |
| 82         | Vũ Minh Hải          | 037340/HCM-CCHN  | Khám chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng                                                                                                                                                              | Toàn thời gian | Bác sĩ            |
| 83         | Nguyễn Hoa Cúc       | 0001890/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng Trưởng |
| 84         | Nguyễn Thị Minh Tâm  | 0001906/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 85         | Đỗ Thị Mai Trâm      | 3405/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 86         | Lê Thị Diễm Hồng     | 0001904/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 87         | Nguyễn Thị Ngân      | 0001885/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 88         | Nguyễn Thị Nhật Đông | 003227/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 89         | Lê Thị Ngọc Giàu     | 3402/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |
| 90         | Trần Thị Thu Thảo    | 003053/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng        |



|                     |                      |                  |                                                                                                                                                                                                      |                |                                 |
|---------------------|----------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|
| 91                  | Nguyễn Thị Thu Hà    | 3723/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng                      |
| <b>KHOA NỘI NHI</b> |                      |                  |                                                                                                                                                                                                      |                |                                 |
| 92                  | Bành Thu Phượng      | 000788/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh nội nhi                                                                                                                                                                               | Toàn thời gian | Trưởng Khoa                     |
| 93                  | Võ Thị Thy Trâm      | 000803/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh nội tổng hợp                                                                                                                                                                          | Toàn thời gian | Phó Khoa                        |
| 94                  | Phạm Kim Thúy        | 000795/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                                                               | Toàn thời gian | Trưởng đơn nguyên thận nhân tạo |
| 95                  | Nguyễn Ngọc Trang    | 0002540/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh nội khoa                                                                                                                                                                              | Toàn thời gian | Bác sĩ                          |
| 96                  | Phan Thị Thủy        | 014334/HCM-CCHN  | Khám chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp                                                                                                                                                              | Toàn thời gian | Bác sĩ                          |
| 97                  | Huỳnh Thị Ngọc Lệ    | 0002062/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh nội khoa                                                                                                                                                                              | Toàn thời gian | Bác sĩ                          |
| 98                  | Võ Như Phượng        | 3416/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng Trưởng               |
| 99                  | Lương Thị Oanh       | 0001896/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng                      |
| 100                 | Hoàng Thị Thùy Dương | 0001829/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng                      |
| 101                 | Nguyễn Thị Ngọc Tâm  | 003088/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng                      |
| 102                 | Huỳnh Thị Trúc       | 0001863/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian | Điều dưỡng                      |
| 103                 | Trần Thị Kim Hương   | 0001867/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng                      |
| 104                 | Lại Thị Thắm         | 0001840/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng                      |
| 105                 | Nguyễn Thúy Phượng   | 0001902/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng                      |

|     |                       |                  |                                                                                                                                                                                                                                         |                |                         |
|-----|-----------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------|
| 106 | Lê Thị Thanh Loan     | 0001903/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                                                    | Toàn thời gian | Điều dưỡng              |
| 107 | Bùi Thị Diễm Mi       | 0002688/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                                                         | Toàn thời gian | Điều dưỡng              |
| 108 | Nguyễn Phạm Ngọc Nữ   | 3412/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.                                   | Toàn thời gian | Điều dưỡng              |
| 109 | Nguyễn Thị Ngọc Lan   | 0001868/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                                                    | Toàn thời gian | Điều dưỡng              |
| 110 | Huỳnh Cẩm Nhung       | 3680/TNI-CCHN    | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại thông tư 10/2015/TTLT-BYT-NBV ngày 27/05/2015 của Bộ y tế, Bộ nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ. | Toàn thời gian | Điều dưỡng              |
| 111 | Nguyễn Thị Kim Nguyệt | 0001876/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                                                    | Toàn thời gian | ĐD Trưởng thận nhân tạo |
| 112 | Nguyễn Văn Việt       | 003055/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.                                   | Toàn thời gian | Điều dưỡng              |
| 113 | Huỳnh Trần Hoài Phúc  | 003074/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.                                   | Toàn thời gian | Điều dưỡng              |
| 114 | Phạm Đức Minh         | 003075/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.                                   | Toàn thời gian | Điều dưỡng              |



|                             |                      |                  |                                                                                                                                                                                                      |                          |                      |
|-----------------------------|----------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------|
| 115                         | Nguyễn Thị Yến Oanh  | 3384/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian           | Điều dưỡng           |
| 116                         | Mai Thị Thúy Hằng    | 3719/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian           | Điều dưỡng           |
| 117                         | Khuong Thị Tuyết Mai | 0001881/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian           | Điều dưỡng           |
| 118                         | Lê Bá Thắng          | 3751/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian           | Điều dưỡng           |
| <b>KHOA PHẪU THUẬT GMHS</b> |                      |                  |                                                                                                                                                                                                      |                          |                      |
| 119                         | Nguyễn Thành Long    | 000796/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh ngoại khoa                                                                                                                                                                            | Toàn thời gian           | Trưởng Khoa          |
| 120                         | Nguyễn Thị Hoàng     | 0002355/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh nội khoa                                                                                                                                                                              | Toàn thời gian           | Phó Khoa             |
| 121                         | Trần Văn Tiến        | 000789/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh ngoại khoa                                                                                                                                                                            | Các ngày nghỉ trong tuần | Bác sĩ               |
| 122                         | Châu Quý Thuận       | 0011558/BYT-CCHN | Khám chữa bệnh ngoại tiết niệu                                                                                                                                                                       | Các ngày nghỉ trong tuần | Bác sĩ               |
| 123                         | Trương Quan Tuấn     | 006281/HC M-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình                                                                                                                                              | Các ngày nghỉ trong tuần | Bác sĩ               |
| 124                         | Phan Ngọc Tấn        | 0001852/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian           | Kỹ thuật viên Trưởng |
| 125                         | Nguyễn Thị Ngọt      | 0002080/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian           | Kỹ thuật viên        |
| 126                         | Nguyễn Kim Tiên      | 003051/TNI-CCHN  | Kỹ thuật viên gây mê hồi sức                                                                                                                                                                         | Toàn thời gian           | Kỹ thuật viên        |
| 127                         | Phan Thị Lợi         | 0001825/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian           | Kỹ thuật viên        |

|     |                        |                  |                                                                                                                                                                                                      |                |               |
|-----|------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|
| 128 | Nguyễn Thị Cẩm Tú      | 0001894/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 129 | Hồ Thị Mỹ Linh         | 0001873/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 130 | Phan Minh Trung        | 0001878/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian | Kỹ thuật viên |
| 131 | Lê Thị Mỹ Duyên        | 0001835/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 132 | Hoa Thị Ngữ            | 0001859/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 133 | Huỳnh Yến Ngọc         | 0001872/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 134 | Nguyễn Thị Kim Loan    | 0001864/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 135 | Đặng Thị Tuyết Nhung   | 0001860/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 136 | Phạm Thị Yến Linh      | 003077/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 137 | Đặng Văn Kiệt          | 0002476/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian | Kỹ thuật viên |
| 138 | Nguyễn Phương Thanh    | 0001883/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Kỹ thuật viên |
| 139 | Nguyễn Thị Kim Thoa    | 003390/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 140 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh | 3722/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |
| 141 | Phạm Thị Kim Ngân      | 3321/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề                                         | Toàn thời gian | Điều dưỡng    |



|                 |                      |                  |                                                                                                                                                                                                      |                          |                   |
|-----------------|----------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------|
|                 |                      |                  | ng nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.                                                                                                                                                           |                          |                   |
| 142             | Nguyễn Thị Kiềm      | 0002020/TNI-CCHN | Kỹ thuật viên gây mê hồi sức                                                                                                                                                                         | Toàn thời gian           | Kỹ thuật viên     |
| 143             | Thái Cẩm Nhung       | 3754/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian           | Điều dưỡng        |
| <b>KHOA SẢN</b> |                      |                  |                                                                                                                                                                                                      |                          |                   |
| 144             | Nguyễn Thị Mỹ Linh   | 000350/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh sản khoa                                                                                                                                                                              | Toàn thời gian           | Phó Khoa          |
| 145             | Trương Thị Chiền     | 0001533/TNI-CCHN | Khám chữa bệnh sản phụ khoa                                                                                                                                                                          | Toàn thời gian           | Trưởng Khoa       |
| 146             | Nguyễn Thị Kiều Linh | 0001102/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh sản phụ khoa                                                                                                                                                                         | Toàn thời gian           | Bác sĩ            |
| 147             | Nguyễn Thị Thủy      | 0002892/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa                                                                                                                                                        | Toàn thời gian           | Bác sĩ            |
| 148             | Nguyễn Bạch Tuyết    | 0000999/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh sản phụ khoa                                                                                                                                                                         | Các ngày nghỉ trong tuần | Bác sĩ            |
| 149             | Mai Thị Mỹ Duyên     | 0001531/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh sản phụ khoa                                                                                                                                                                         | Các ngày nghỉ trong tuần | Bác sĩ            |
| 150             | Phan Hồng Vân        | 000251/TNI-CCHN  | Khám, chữa bệnh sản phụ khoa                                                                                                                                                                         | Các ngày nghỉ trong tuần | Bác sĩ            |
| 151             | Trần Thanh Hằng      | 0001848/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                | Toàn thời gian           | Nữ hộ sinh Trưởng |
| 152             | Lê Thị Lắm           | 0001848/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                | Toàn thời gian           | Nữ hộ sinh        |
| 153             | Hoàng Thị Thùy       | 0001851/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                | Toàn thời gian           | Nữ hộ sinh        |
| 154             | Nguyễn Thị Kim Khang | 0002036/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian           | Nữ hộ sinh        |
| 155             | Ngô Thị Thu Vân      | 0001821/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                | Toàn thời gian           | Nữ hộ sinh        |
| 156             | Trần Kim Thi         | 0001820/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                | Toàn thời gian           | Nữ hộ sinh        |
| 157             | Trần Cẩm Mai         | 0001844/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                | Toàn thời gian           | Nữ hộ sinh        |

|                        |                      |                  |                                                                                                                                                                                                      |                |             |
|------------------------|----------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
| 158                    | Nguyễn Thị Kim Ngọc  | 003083/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Nữ hộ sinh  |
| 159                    | Trần Ngọc Châu       | 0001822/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                | Toàn thời gian | Nữ hộ sinh  |
| 160                    | Nguyễn Thị Kim Tuyền | 003085/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Nữ hộ sinh  |
| 161                    | Dương Thị Thùy Dung  | 0001847/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                | Toàn thời gian | Nữ hộ sinh  |
| 162                    | Nguyễn Thị Thắm      | 0001824/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                | Toàn thời gian | Nữ hộ sinh  |
| 163                    | Nguyễn Thị Đẹp       | 003084/TNI-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Nữ hộ sinh  |
| 164                    | Trương Ngọc Quý      | 0001850/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                | Toàn thời gian | Nữ hộ sinh  |
| 165                    | Phạm Thị Ngọc Diễm   | 0002695/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                | Toàn thời gian | Nữ hộ sinh  |
| 166                    | Trương Hồng Nhung    | 3717/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Nữ hộ sinh  |
| 167                    | Nguyễn Thị Tuyết Nga | 0002026/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                | Toàn thời gian | Nữ hộ sinh  |
| <b>KHOA XÉT NGHIỆM</b> |                      |                  |                                                                                                                                                                                                      |                |             |
| 168                    | Phan Cẩm             | 000807/TNI-CCHN  | Xét nghiệm                                                                                                                                                                                           | Toàn thời gian | Trưởng Khoa |
| 169                    | Nguyễn Khương Duy    | 002945/TNI-CCHN  | Kỹ thuật viên xét nghiệm                                                                                                                                                                             | Toàn thời gian | Phó Khoa    |



|                   |                      |                  |                                                                                                                                                                                                      |                |                |
|-------------------|----------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| 170               | Lê Thị Hồng Đào      | 0001836/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | KTV xét nghiệm |
| 171               | Huỳnh Thị Nhung      | 0001880/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian | KTV xét nghiệm |
| 172               | Trần Thị Phương Hồng | 0001830/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm (chích), thay băng                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian | KTV xét nghiệm |
| 173               | Huỳnh Thị Cẩm Tiên   | 003050/TNI-CCHN  | Kỹ thuật viên xét nghiệm                                                                                                                                                                             | Toàn thời gian | KTV xét nghiệm |
| 174               | Lê Thị Thủy Tiên     | 3389/TNI-CCHN    | Kỹ thuật viên xét nghiệm                                                                                                                                                                             | Toàn thời gian | KTV xét nghiệm |
| 175               | Huỳnh Thị Tuyết Giỏi | 3386/TNI-CCHN    | Kỹ thuật viên xét nghiệm                                                                                                                                                                             | Toàn thời gian | KTV xét nghiệm |
| <b>PHÒNG KHTH</b> |                      |                  |                                                                                                                                                                                                      |                |                |
| 176               | Nguyễn Thị Ngọc Giàu | 3401/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Nhân viên      |
| 177               | Phạm Thị Tuyết Nhung | 0001861/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian | Nhân viên      |
| 178               | Tạ Thị Ngọc Diệp     | 3391/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Nhân viên      |
| 179               | Lâm Yến Nhi          | 3062/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Nhân viên      |
| 180               | Phạm Ngọc Như        | 3419/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Toàn thời gian | Nhân viên      |

| PHÒNG HCQT |                 |                  |                                      |                |                          |
|------------|-----------------|------------------|--------------------------------------|----------------|--------------------------|
| 181        | Nguyễn Thị Bích | 0001898/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản | Toàn thời gian | Nhân viên tổ thanh trùng |

Tây Ninh, ngày 05 tháng 3 năm 2019  
 Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật  
 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh  
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



**GIÁM ĐỐC**  
*[Signature]*  
**BSCN. Phan Châu Minh Tuấn**